TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 246/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/12/2025
V/v Xin ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Minh Thông.

2. Ông Trần Văn Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – A tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày ngày 24 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc: "Xin ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trịnh Kim U**, sinh ngày 04/7/2001. Địa chỉ: Tổ 11, ấp Núi Trầu, xã H, tỉnh A.

2. Bị đơn: Anh **Dương T**, sinh ngày 01/7/1997. Địa chỉ: Tổ 7, ấp Xà Ngách, xã K, tỉnh A.

(Chị U có mặt, anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trịnh Kim U trình bày và yêu cầu như sau:

Chị Trịnh Kim U và anh Dương T chung sống với nhau vào năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc đến sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, thường xuyên

cự cãi làm ảnh hưởng đến con cái cũng như gia đình của hai bên. Hiện tại chị U và anh T đã không chung sống với nhau khoảng 04 năm nay. Chị U nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị U xin ly hôn với anh Dương T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị U và anh T có 01 con chung tên Trịnh Kim C, sinh ngày 13/5/2019, giới tính nữ hiện đang sống với chị U. Chị U xin nuôi cháu Trịnh Kim C đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng C phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phần nợ chung: Trong thời gian chung sống chị U, anh T không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

- Tại bản tự khai bị đơn anh Dương T trình bày:

Anh T thống nhất với lời trình trình bày của chị U về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, có 01 con chung, không có tài sản chung, nợ chung.

Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Trịnh Kim U.

Về con chung: Đồng ý giao cháu Trịnh Kim C, sinh ngày 13/5/2019, giới tính nữ cho chị U nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh T không cấp dưỡng C phí nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Bị đơn anh Dương T, có nơi cư trú tại: Tổ 7, ấp Xà Ngách, xã K, tỉnh A. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – A. Đối với quan hệ hôn nhân của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét, giải quyết.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Dương T có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Kim U và anh Dương T chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị U, anh T đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 9 quy định: "*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý; 2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn".* Chị U, anh T là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 14 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này…".* Tuy chị U, anh T thuận tình ly hôn nhưng xét thấy hôn nhân giữa chị U, anh T không có đăng ký kết hôn, nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị U mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị U, anh T theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 53 quy định: "*1. Tòa án thụ lý đơn yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; 2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này."*

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Kim C, sinh ngày 13/5/2019, giới tính nữ. Anh, chị thỏa thuận giao cháu C cho chị U nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Do chị U có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

***Vì caùc leõ treân*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các Điều 9, 14, 53, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Kim U và anh Dương T.

- Về con chung: Giao cháu Trịnh Kim C cho chị Trịnh Kim U nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị U không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên ghi nhận.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Trịnh Kim U phải chịu số tiền án phí hôn nhân là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0009859 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh A, nên chị U không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Kim U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Dương T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND khu vực 8 – A;
- Phòng THADS khu vực 8 – A;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

Nguyễn Văn Pho